

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/DS-ST
Ngày 28-4-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Quyền.

2. Bà Nông Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 28-4-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐXXST-DS ngày 01/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐST-DS ngày 17/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Phạm Đình Đ**, sinh năm 1975; Nơi cư trú: **Bản Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh** - (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: **Anh Linh Văn Đ1**, sinh năm 1991; Nơi thường trú: **Bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh**; Nơi ở: **Bản Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh** - (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án ông **Phạm Đình Đ** trình bày:*

Ông và anh **Linh Văn Đ1**, sinh năm 1991 ở **bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh** là quan hệ làng trên xóm dưới với nhau, vì gần nhà nhau nên quen biết nhau. Vào ngày 02/01/2025 (dương lịch) anh **Đ1** đến hỏi ông vay tiền do bố đẻ anh **Đ1** vì đang ốm. Sau khi vay tiền về anh **Đ1** sử dụng tiền vay để làm gì thì ông không rõ

vì hiện tại bố đẻ anh Đ1 đã chết. Ông cho anh Đ1 vay số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), không tính lãi và hẹn đến ngày 02/02/2025 trả, sau khi giao tiền cho anh Đ1 thì hai bên cho lập giấy vay tiền ngày 02/01/2025 như ông nộp cho Tòa án. Kể từ khi đến ngày trả nợ tới nay ông có nhiều lần vào nhà anh Đ1 đòi tiền nhưng anh Đ1 khất lần không trả. Ông cho một mình anh Đ1 vay tiền vì vợ anh Đ1 đã ly hôn anh Đ1 lâu rồi. Số tiền này là tiền riêng của ông không liên quan gì tới vợ ông là bà Nguyễn Thị M.

Trong giấy vay tiền ngày 02/01/2025 (dương lịch) mà ông nộp cho Tòa án có mục “Tài sản thế chấp: số nhà đất, mang tên ông Linh Văn Q (số A)” là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh Đ1, khi vay tiền ông, anh Đ1 đưa cho ông để ông tin tưởng cho vay tiền, trong giấy chứng nhận ghi hộ ông Linh Văn Q nên có cả anh Đ1 trong đó. Ông xác định khi nào anh Đ1 trả hết nợ cho ông ông sẽ trả lại giấy. Trong vụ án này ông chỉ yêu cầu Tòa án tuyên anh Đ1 trả ông số nợ và lãi còn đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên giữa ông và anh Đ1 sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông Đ yêu cầu anh Đ1 trả số tiền gốc là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và lãi 0.83%/tháng kể từ ngày 3/2/2025 đến phiên tòa ngày 28/4/2026 là 6.771.000 đồng (Sáu triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng). Ông tiếp tục yêu cầu anh Đ1 phải trả lãi cho ông từ ngày 29/4/2026 đến khi anh Đ1 trả hết số nợ.

* Tại biên bản làm việc ngày 09/02/2026, ngày 12/3/2026 bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đ1, anh Đ1 hiện đã ly hôn vợ. Bà H biết việc anh Đ1 vay tiền ông Đ vì đợt bố anh Đ1 ốm nặng nằm ở nhà thì ông Đ có mấy lần vào nhà đòi tiền và gia đình tôi cũng nói chuyện với ông Đ là để từ từ gia đình cùng anh Đ1 sẽ thu xếp trả cho ông Đ. Những văn bản tòa án giao cho anh Đ1 thì anh Đ1 đã biết và nói với bà là anh sẽ tự sắp xếp giải quyết. Bà H xác định anh Đ1 thuộc trường hợp người dân tộc (dân tộc Nùng) sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (xã Đ, tỉnh Bắc Ninh).

* Tại bản ý kiến ngày 30/01/2026 bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là vợ ông Phạm Đình Đ, bà được biết ông Đ đang khởi kiện yêu cầu anh Linh Văn Đ1, sinh năm 1991 ở bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh trả số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) gốc và lãi. Bà xác định số tiền đó là tiền riêng của ông Đ, không liên quan đến bà. Bà chỉ biết ông Đ có cho anh Đ1 vay tiền còn nội dung cụ thể về thời gian vay, lãi suất và thời gian thanh toán như thế nào bà không nắm được. Nay ông Đ yêu cầu anh Đ1 trả số tiền gốc còn nợ là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và lãi 0.83%/tháng kể từ ngày 3/2/2025 đến khi trả xong toàn bộ số nợ cho ông Đ. Bà hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì vì đó là tiền riêng của ông Đ không liên quan gì tới bà. Bà từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án không triệu tập bà.

* Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2026 với công an xã Đ, tỉnh Bắc Ninh cho biết: Anh Linh Văn Đ1 sinh năm 1991 có hộ khẩu thường trú tại bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh và chưa chuyển hộ khẩu thường trú sang địa giới hành chính khác.

* Tại biên bản xác minh ngày 13/4/2026 với UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh xác định anh Đ1 là người dân tộc Nùng sống ở bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh là xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Buộc anh L Văn Đ1 phải trả cho ông Phạm Đình Đ số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và số tiền lãi tính kể từ ngày 03/02/2025 đến ngày 28/4/2026 là 6.771.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là: 61.771.000 đồng.

Về án phí: Anh Đ1 phải chịu 3.089.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Đình Đ khởi kiện yêu cầu anh L Văn Đ trả tiền còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, anh Đ1 có địa chỉ cư trú tại xã Đ, tỉnh Bắc Ninh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Bắc Ninh.

Ông Phạm Đình Đ có đơn xin vắng mặt, anh L Văn Đ vắng mặt lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ và anh Đ1.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra ngày 02/01/2025 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại Điều 689 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình Đ về việc yêu cầu anh L Văn Đ trả khoản nợ ngày 02/01/2025, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về trách nhiệm trả nợ: Theo giấy vay tiền ngày 02/01/2025 thể hiện anh Linh Văn Đ1 vay ông Phạm Đình Đ số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ vào ngày 02/02/2025. Lãi suất: không ghi nhận rõ trong hợp đồng là mức lãi suất là bao nhiêu. Ông Đ xác định cho anh Đ1 vay số tiền trên. Trong quá trình giải quyết vụ án tuy chưa gặp để lấy được ý kiến của anh Đ1 đối với khoản vay trên nhưng bà H là mẹ anh Đ1 xác định là việc vay nợ giữa anh Đ1 với ông Đ, mặt khác tại giấy vay tiền do ông Đ cung cấp có chữ ký, chữ viết “Đoài, Linh Văn Đ1” ở bên mục “Người vay” thể hiện việc anh Đ1 ký nhận nợ tiền vay của ông Đ. Trong quá trình làm việc với ông Đ và bà M vợ ông Đ xác định số tiền 55.000.000 đồng cho anh Đ1 vay là tiền riêng của ông Đ không liên quan đến bà M.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của các đương sự. Hội đồng xét xử thấy việc anh Đ1 nợ tiền của ông Đ với số tiền 55.000.000 đồng là có thật cần chấp nhận.

Trong quá trình làm việc ông Đ xác định là khoản tiền cho anh Đ1 vay là cho anh Đ1 vay riêng không liên quan gì đến gia đình anh Đ1 nên Hội đồng xét xử xác định đây là khoản vay riêng giữa ông Đ và anh Đ1.

Trong giấy vay tiền ngày 02/01/2025 (dương lịch) mà ông Đ nộp cho Tòa án có mục “Tài sản thế chấp: số nhà đất, mang tên ông Linh Văn Q (số A)” ông Đ xác định đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh Đ1, khi vay tiền ông anh Đ1 đưa cho ông để ông tin tưởng cho vay tiền, trong giấy chứng nhận ghi hộ ông Linh Văn Q nên có cả anh Đ1 trong đó. Ông Đ xác định khi nào anh Đ1 trả hết nợ cho ông ông sẽ trả lại giấy. Trong vụ án này ông Đ chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết việc anh Đ1 vay nợ ông còn đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên giữa ông và anh Đ1 sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về số tiền lãi:

Tại giấy vay tiền ngày 02/01/2025, lời khai của ông Đ thể hiện khoản vay không có lãi suất và thời hạn trả là ngày 02/02/2025. Do đến thời hạn trả nợ mà anh Đ1 không trả tiền ngay cho ông Đ nên việc ông Đ đòi tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn nợ kể trên từ sau ngày kết thúc hạn trả nợ là có căn cứ. Ông Đ yêu cầu tính lãi 0.83% kể từ ngày 03/02/2025 đến khi trả hết nợ. Yêu cầu tính lãi của ông Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất anh Đ1 phải trả ông Đ đối với khoản nợ 55.000.000 đồng là 0.83%/tháng từ 03/02/2025 đến khi xét xử sơ thẩm 28/4/2026, là 14 tháng 25 ngày tương ứng với số tiền lãi là: $55.000.000 \text{ đồng} \times (14 \text{ tháng}) \times 0.83\%/tháng + (55.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/tháng)/30 \text{ ngày} \times (25 \text{ ngày}) = 6.771.000 \text{ đồng}$ (Sáu triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi anh L Văn Đ phải có trách nhiệm trả ông Phạm Đình Đ là: $55.000.000 \text{ đồng} + 6.771.000 \text{ đồng} = 61.771.000 \text{ đồng}$ (Sáu mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng).

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án : Yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Anh Đ1 thuộc đối tượng người dân tộc sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nhưng không có đơn hoặc yêu cầu xin miễn án phí nên anh Đ1 phải chịu 3.089.000 đồng (Ba triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh **Linh Văn Đ1** phải có trách nhiệm trả cho ông **Phạm Đình Đ** số tiền 61.771.000 đồng (Sáu mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 6.771.000 đồng (Sáu triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền.

2. Về tiền án phí:

Ông **Phạm Đình Đ** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông **Phạm Đình Đ** số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000514 ngày 16/01/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh thu.

Anh Linh Văn Đ phải chịu 3.089.000 đồng (Ba triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Thảo